

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 - 2024
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh
2. Ông Lê Minh Thư

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Bích D**, sinh năm 1994. Địa chỉ: khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Bích D trình bày:* Chị và anh Đặng Văn T qua mai mối, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2015; không đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K; số vàng này vợ chồng đã thống nhất bán chi tiêu trong gia đình và nuôi con, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng về sống ở khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau hạnh phúc khoảng 08 năm; có 01 con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020 hiện sống với anh T. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nhau từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn anh Đặng Văn T; Về con chung: Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020, chị yêu cầu giải quyết cho anh T được quyền nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 26/01/2024 bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian sống chung, vợ chồng anh không đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K; số vàng này vợ chồng đã thống nhất bán chi tiêu trong gia đình và nuôi con, hiện nay không còn; Anh và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020 hiện sống với anh. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nhau từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo yêu cầu của chị D, anh có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Bích D; Về con chung: Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020, anh yêu cầu giải quyết cho anh được quyền nuôi con chung; anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Bích D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đặng Văn T, anh T có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Nguyễn Bích D và anh Đặng Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Bích D và anh Đặng Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015. Xét chị D và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, pháp luật không công nhận quan hệ giữa chị D và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020 hiện sống với anh T. Chị D yêu cầu giải quyết cho anh T được quyền nuôi con chung, anh T đồng ý tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên anh T không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản (tài sản chung, nợ chung): chị Nguyễn Bích D và anh Đặng Văn T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí: chị Nguyễn Bích D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Bích D và anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Hoài H, sinh ngày 02/01/2020 cho anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Bích D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Bích D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Nguyễn Bích D và anh Đặng Văn T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Bích D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị D nộp theo biên lai thu số 0013202 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

